

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 203/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 06-8-2024

"V/v không công nhận vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trịnh Xuân Trúc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Minh Bền

Bà Đoàn Thị Bầy

Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Thắm - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 353/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 231/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Trần T H T; Sinh năm 1967 (có mặt)

Nơi cư trú: số A, đường C, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh C. (có mặt)

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn L L; sinh năm: 1966

Nơi cư trú: số A, đường C, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh C. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Bà Trần T H T và ông Nguyễn L L chung sống vợ chồng vào năm 1991, có tổ chức cưới gả theo phong tục, tập quán nhưng không có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống thường xuyên bất đồng quan điểm, không tìm được tiếng nói chung nên đã sống ly thân. Nay cả hai nhận thấy không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu Tòa án cho chấm dứt quan hệ hôn nhân.

- Về con chung: Bà T, ông L xác định có 02 người con chung tên Nguyễn T H Á, sinh năm: 1993 và Nguyễn T Á T, sinh ngày 01/01/2006. Hiện 02 con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông, bà xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Ông, bà xác định vợ chồng không nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn đang cư trú tại thành phố Cà Mau nên vụ án được xác định thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà Trần T H T và ông Nguyễn L L chung sống vợ chồng vào năm 1991, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng ông bà không đăng ký kết hôn do đó không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ chồng. Hiện Bà T, ông L đều xác định trong cuộc sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và cả hai đều thống nhất chấm dứt mối quan hệ hôn nhân vì hôn nhân của ông bà vi phạm về mặt hình thức là không đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình nên căn cứ theo quy định tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ giữa ông L, Bà T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà Trần T H T và ông Nguyễn L L xác định có 02 người con chung tên Nguyễn T H Á, sinh năm: 1993 và Nguyễn T Á T, sinh ngày 01/01/2006, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Trần T H T và ông Nguyễn L L xác định tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Trần T H T và ông Nguyễn L L xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 14, 16, 53 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 238, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về hôn nhân: Không công nhận bà Trần T H T và ông Nguyễn L L là vợ chồng.

2/ Về con chung: Bà Trần T H T và ông Nguyễn L L xác định có 02 người con chung tên Nguyễn T H Á, sinh năm: 1993 và Nguyễn T Á T, sinh năm 2006, hiện đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Bà Trần T H T và ông Nguyễn L L xác định tự thỏa thuận Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Bà Trần T H T và ông Nguyễn L L xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần T H T phải chịu. Ngày 13/6/2024 Bà T đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo lai thu số 0008836 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được chuyển thu, nộp Ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Tp. Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Trịnh Xuân Trúc